



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 01 (B3-201)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261001	KEOPHASOUK	AAPHONE	08/07/2007	Nữ	Lào		
2	261002	NAKHONEXAY	AENOY	12/09/1990	Nam	Lào		
3	261003	VONGSENGDEUAN	ALOUNPHONE	17/12/2006	Nữ	Lào		
4	261004	MIVAPADITH	ANATDA	26/09/2007	Nam	Lào		
5	261005	SILITHAM	ANNY	14/07/2008	Nữ	Lào		
6	261006	KHAMMAVONG	ANONGSAK	26/06/2007	Nam	Lào		
7	261007	XAYYALATH	ANOUSONE	29/05/2006	Nam	Lào		
8	261008	PHOMMAKONG	ANGKHAM	26/04/2007	Nam	Lào		
9	261009	VO THI DIEU	ANH	14/02/2008	Nữ	Việt Nam		
10	261010	PHANTHAVONG	ASAH	21/04/1989	Nam	Lào		
11	261011	SILIYAVONG	ATHIDTIYA	13/01/2008	Nữ	Lào		
12	261012	XAYYAVONGSA	BANCHAY	29/04/2007	Nữ	Lào		
13	261013	CHANTHAKHOT	BOT	08/02/2007	Nam	Lào		
14	261014	KHOUNVISET	BOUNKAO	02/09/2007	Nam	Lào		
15	261015	SENBOUTTRAT	BOUNTIEN	30/08/2006	Nam	Lào		
16	261016	SIVIXAI	BOUNTHALA	01/06/1988	Nữ	Lào		
17	261017	KEOBOUNNAM	BOUNTHANOM	02/06/2006	Nam	Lào		
18	261018	VATSANASONG	BOUNTHANOM	18/06/2006	Nữ	Lào		
19	261019	SAIKEO	BOUNYOT	07/10/2005	Nam	Lào		
20	261020	XAYYACHAK	BOUNHEUANG	18/02/2003	Nữ	Lào		
21	261021	LOUANGBOUTDY	BOUPPHA	18/10/2009	Nữ	Lào		
22	261022	PHIMMASONE	CHANMANY	15/10/2007	Nữ	Lào		
23	261023	VONGSALASITH	CHANNAKHONE	13/08/2007	Nam	Lào		
24	261024	SINLAPA	CHANPASONG	14/01/2008	Nữ	Lào		
25	261025	SIBOUNHUK	CHANSAMAY	16/04/2007	Nữ	Lào		
26	261026	BOUPPHAPHANH	CHANTHIDA	24/09/2007	Nữ	Lào		
27	261027	VONGSOUVANH	CHANTHIDA	30/12/2008	Nữ	Lào		
28	261028	SILUEXAY	CHILADETH	13/01/2008	Nam	Lào		

Tổng số bài thi:.....

Giám thị 1

Giám thị 2

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 02 (B3-202)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261029	SYDAPONE	CHITTAKONE	10/09/2007	Nam	Lào		
2	261030	VONGPHOUTHONE	DALINOP	22/05/1991	Nữ	Lào		
3	261031	ZHANG	DAN	18/01/2004	Nữ	Trung Quốc		
4	261032	KHOUNVIHEUANG	DANNY	22/04/2008	Nữ	Lào		
5	261033	NOUANPHACHANH	DANGBOUN	17/05/2008	Nam	Lào		
6	261034	PILIPASOVA	DARIA	09/10/2004	Nữ	Nga		
7	261035	LOUNMALA	DENLAXA	09/12/2007	Nam	Lào		
8	261036	SENGDAO	DENG	22/06/2005	Nữ	Lào		
9	261037	BORISOV	DIMITAR VENTSISLAVOV	25/07/1989	Nam	Cộng hòa Bulgaria		
10	261038	CHALERNXAI	DOKHAK	08/07/2007	Nữ	Lào		
11	261039	VANTHANOUVONG	DOMY	23/03/2008	Nữ	Lào		
12	261040	HE	GUANGTING	17/10/2004	Nữ	Trung Quốc		
13	261041	AN	HAO	28/11/2005	Nữ	Trung Quốc		
14	261042	SISAVENGSOUK	HATCHINDA	01/05/2008	Nữ	Lào		
15	261043	KEOPHASOUK	HATSAKANH	04/05/2006	Nam	Lào		
16	261044	SENGKEO OUDOM	HATTHAPHONE	19/06/2008	Nam	Lào		
17	261045	LAVIPHANH	HONG	02/06/1983	Nam	Lào		
18	261046	ANON	HONG	14/11/1991	Nữ	Lào		
19	261047	XAYYASONE	INTHINA	11/9/2001	Nữ	Lào		
20	261048	KOMMASANE	INVALIN	23/01/2008	Nữ	Lào		
21	261049	KIM	JIAE	02/03/1986	Nữ	Hàn Quốc		
22	261050	OUNPASERT	KAIKEO	13/10/1988	Nữ	Lào		
23	261051	SOUDTAVONG	KAINA	28/10/2007	Nam	Lào		
24	261052	KYKER	KAITLYNN XUANLE	21/3/2006	Nữ	Hoa Kỳ		
25	261053	CHANTHALANGSY	KAIYASID	21/04/2008	Nam	Lào		
26	261054	VONGSIKHAY	KANLAYA	26/11/2007	Nữ	Lào		
27	261055	ONDAVONG	KANYAPHONE	12/09/1989	Nữ	Lào		
28	261056	TOUYASENG	KAYTHONG	17/03/2007	Nam	Lào		
29	261057	XAYKOUAHA	KAYY	12/07/2007	Nữ	Lào		

Tổng số bài thi:

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 03 (B3-203)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261058	SOUTHALUCK	KEOPANYA	09/09/2007	Nam	Lào		
2	261059	NAVONGSA	KIETTHISAI	12/09/2005	Nam	Lào		
3	261060	XAYAVONG	KONGKHAM	01/11/2007	Nam	Lào		
4	261061	VONGPASEUTH	KHAMMIXAY	23/02/2006	Nữ	Lào		
5	261062	THALONGSENGCHAN	KHAMPHOUN	10/07/2007	Nam	Lào		
6	261063	CHANTHAVISOUK	KHAMPHOUSY	11/06/2006	Nữ	Lào		
7	261064	PHOMMACHANH	KHANPHAVANH	03/04/2007	Nam	Lào		
8	261065	CHANSOMPHOU	KHANSAI	15/01/1992	Nữ	Lào		
9	261066	BOUDDALA	KHANSAMAI	12/06/2008	Nữ	Lào		
10	261067	SALAKHAM	KHANTY	04/01/1989	Nam	Lào		
11	261068	THIDALAK	KHANTHALY	16/06/2008	Nữ	Lào		
12	261069	DOUANGPHACHANH	KHIEOSAKDA	05/01/2005	Nam	Lào		
13	261070	XAIYAVONGSA	KHINGKHAM	25/12/2003	Nữ	Lào		
14	261071	XAIYANTHONE	KHONESAVANH	24/02/1997	Nữ	Lào		
15	261072	KINNAVONG	KHOUANTA	10/05/2007	Nam	Lào		
16	261073	SOUVANNAVONG	KHOUNTHAVY	17/4/2007	Nam	Lào		
17	261074	BOURPHAS	LARNOY	11/11/1987	Nữ	Lào		
18	261075	PHOMMACHAK	LATDAVANH	04/05/2005	Nữ	Lào		
19	261076	SIHAVONG	LATDAVONE	08/02/2008	Nữ	Lào		
20	261077	ALOUNSAVAT	LATTANA	11/07/2009	Nữ	Lào		
21	261078	LEUANVILAY	LAVADY	24/07/2007	Nữ	Lào		
22	261079	PHOMMASAN	LEX	15/11/1996	Nam	Lào		
23	261080	SOULIYAPHAN	LEXLAI	07/08/2007	Nam	Lào		
24	261081	LIU	LI	25/07/2004	Nữ	Trung Quốc		
25	261082	KHONGSOMBOUN	LIDTHIDA	24/01/2008	Nữ	Lào		
26	261083	BAO	LINGJIE	23/12/2005	Nữ	Trung Quốc		
27	261084	KEOPANYA	LOBINSANH	22/12/1982	Nam	Lào		
28	261085	RUGGERI	LODOVICO	18/08/1957	Nam	Ý		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
**HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)**

Phòng thi: 04 (B3-206)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261086	VILAHEUANG	LOT	10/05/2005	Nữ	Lào		
2	261087	HODNAIVONG	MACKKEE	07/01/2007	Nữ	Lào		
3	261088	HOMSOMBATH	MALA	14/11/2007	Nữ	Lào		
4	261089	CHANTHAVONG	MALISA	16/08/2008	Nữ	Lào		
5	261090	VIXAYVONG	MANICHANH	01/01/2008	Nữ	Lào		
6	261091	XAYYAVONG	MANINOUT	18/10/2007	Nữ	Lào		
7	261092	CHAMPASONG	MANIXAY	04/10/2008	Nam	Lào		
8	261093	CHIEMCHANYAR	MANOHUK	11/06/2007	Nữ	Lào		
9	261094	SIPASEUTH	MAYSAVANH	28/01/2008	Nữ	Lào		
10	261095	LATSASIN	MOT	27/10/2007	Nam	Lào		
11	261096	MOUNPHOXAI	MOUKSAVANH	29/07/2007	Nữ	Lào		
12	261097	CHAKVONGSA	NALADDA	28/08/2008	Nữ	Lào		
13	261098	CHANTHADALA	NALY	12/10/1985	Nữ	Lào		
14	261099	PHEDSAVANH	NALY	07/08/2007	Nữ	Lào		
15	261100	KEOBOUAPHA	NAMTHIP	04/01/2008	Nữ	Lào		
16	261101	PHAISALY	NANTHA	08/11/2006	Nam	Lào		
17	261102	NORRASING	NANTHIDA	09/12/2007	Nữ	Lào		
18	261103	MAHAVONG	NANTHIDA	10/07/2008	Nữ	Lào		
19	261104	THEPVONGSA	NAXAY	31/10/2007	Nam	Lào		
20	261105	KHAMBOUNHEUANG	NEUANGLUETHAI	17/12/2008	Nữ	Lào		
21	261106	VONGSAHALARD	NOKVITHAYA	27/08/2008	Nữ	Lào		
22	261107	KETTHONGKHAM	NOUANELA ONG	06/12/1992	Nữ	Lào		
23	261108	PAKAYKHAM	NOUNIM	24/04/2001	Nữ	Lào		
24	261109	XANLUEXA	NUXAI	09/11/1986	Nam	Lào		
25	261110	SAMONTY	OLAVANH	02/05/2008	Nam	Lào		
26	261111	GARKUSHA	OLGA	26/09/2004	Nữ	Nga		
27	261112	KEOSOUVANH	OVI A	17/07/2007	Nam	Lào		
28	261113	KEOMANY	PANIN	03/11/2005	Nữ	Lào		

Tổng số bài thi:

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 05 (B3-301)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261114	SOMSESOUK PANINKHAM	29/01/2007	Nữ	Lào		
2	261115	PHONGSENA PANITDA	04/02/2008	Nữ	Lào		
3	261116	MILAVONG PANYA	31/05/2007	Nam	Lào		
4	261117	VATSANGA PATHOUMMA	05/11/2008	Nữ	Lào		
5	261118	KHAMTHAVONG PET	13/03/2006	Nam	Lào		
6	261119	TANPHIENG PEU	15/02/2006	Nữ	Lào		
7	261120	SAENGJAIJALERN POUPAY	06/07/2007	Nữ	Lào		
8	261121	SAMANOCHACK PYSA	15/03/2007	Nam	Lào		
9	261122	KHEMMALAD PHAEVA	22/02/2008	Nữ	Lào		
10	261123	KEOMANY PHAXAY	12/04/2008	Nam	Lào		
11	261124	VONGSAPHAY PHAYMANY	02/08/2008	Nữ	Lào		
12	261125	VORVONGCHIT PHETMIXAY	06/01/2007	Nam	Lào		
13	261126	SIPASERD PHIEN	24/01/2005	Nữ	Lào		
14	261127	OUDOMDY PHITSAMAY	05/12/2006	Nữ	Lào		
15	261128	MUENSANIT PHOKHAM	03/11/2005	Nam	Lào		
16	261129	XAIXAMLUANG PHONEAUN	22/01/2008	Nữ	Lào		
17	261130	KEOBOUAPHA PHONEKEO	04/01/2008	Nữ	Lào		
18	261131	KEOKHOUNPASAK PHONEPASEUT	13/06/2007	Nam	Lào		
19	261132	SENG ALOUN PHONESAMAI	20/06/2008	Nữ	Lào		
20	261133	THAMMALAKSA PHOUDTHASONE	12/12/2007	Nam	Lào		
21	261134	NUNTHASEN PHOUDTHAVEE	22/03/2006	Nam	Lào		
22	261135	OUDOMXAYXANAVONG PHOUKHAM	10/09/2007	Nam	Lào		
23	261136	SOULIVONG PHOUTDAVANH	07/06/2006	Nữ	Lào		
24	261137	PHUANGPHANH PHOUTTAVANH	24/10/2007	Nữ	Lào		
25	261138	THEPSOUVANH PHOUTTAVANH	20/09/2006	Nữ	Lào		
26	261139	KOUNLABOUD PHOUTTHALAK	02/07/2008	Nữ	Lào		
27	261140	BOUATHONG PHOUTTHASAK	07/06/2007	Nam	Lào		
28	261141	VINNAVONG PHOUTHONG	24/06/2007	Nam	Lào		
29	261227	CHIDIABI MICHAEL ABUCHI	25/11/1992	Nam	Nigeria		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KY THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 06 (B3-302)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261142	PHILAVONG	PHUTAVANH	26/08/2007	Nam	Lào		
2	261143	VÕ ĐẠI	QUỶ	09/07/2007	Nam	Việt Nam		
3	261144	XAYTHANASY	RATTANASAVANH	18/12/2008	Nữ	Lào		
4	261145	VONGLEUNTHONG	SAMLAN	29/09/2006	Nam	Lào		
5	261146	SENG ALOUN	SANTIKONE	10/03/2006	Nam	Lào		
6	261147	MANIKHOT	SANTISOUK	13/06/2007	Nam	Lào		
7	261148	RASASOMBATH	SANTISOUK	13/04/2007	Nam	Lào		
8	261149	SOUPHAN	SANTIXAY	23/10/1990	Nam	Lào		
9	261150	KOMMAMEUANG	SATAYKHOB	09/03/2006	Nam	Lào		
10	261151	LADSAVATH	SATHAPHONE	10/04/1993	Nam	Lào		
11	261152	LOUNLIVONGSA	SAYFON	13/02/1993	Nam	Lào		
12	261153	SAYXEKAMAN	SAYSAMAY	08/02/2008	Nữ	Lào		
13	261154	SILIPHUNH	SAYSANA	28/8/2007	Nam	Lào		
14	261155	FENG	SHUANGSHENG	20/09/2003	Nữ	Trung Quốc		
15	261156	SOULITAMOUNGKHOUN	SILIPHONE	25/9/2007	Nữ	Lào		
16	261157	XAIYASENA	SINTHAM	18/01/2007	Nam	Lào		
17	261158	VIDATHONG	SINXAY	15/07/2005	Nam	Lào		
18	261159	XAYYASANE	SITPHASONE	01/11/2007	Nam	Lào		
19	261160	LUANTHAMMAKHAN	SIVA	01/02/2007	Nam	Lào		
20	261161	SOUDTHICHACK	SIVAD	13/04/1984	Nam	Lào		
21	261162	DOUANGMETTA	SIVANBANG	12/02/2008	Nữ	Lào		
22	261163	SOUVANNA	SOM	06/11/2007	Nữ	Lào		
23	261164	PHONESAVANH	SOMNAO	10/11/1988	Nam	Lào		
24	261165	HILIOETH	SONEDET	27/10/2008	Nam	Lào		
25	261166	SISOMBAT	SONEMIXAY	04/02/2008	Nam	Lào		
26	261167	SISOMBATH	SONEXAY	18/11/2006	Nam	Lào		
27	261168	CHANSAMOUTH	SOUKANAN	25/10/2006	Nữ	Lào		
28	261169	NINTHILATH	SOUKDAVY	24/09/2007	Nữ	Lào		
29	261228	ANAZODO	CHIDOZIE KELVIN	10/09/1990	Nam	Nigeria		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 07 (B3-303)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261170	SOULIXAY	SOUKMIXAY	22/09/2006	Nam	Lào		
2	261171	LOUANGPANHYA	SOUKMIXOK	01/11/2007	Nam	Lào		
3	261172	VONGXALAXITH	SOUKNAPHA	29/06/2007	Nữ	Lào		
4	261173	PHOULA IAT	SOUKPASERT	28/09/2007	Nữ	Lào		
5	261174	SIXANON	SOUKPHACHANH	27/09/2008	Nam	Lào		
6	261175	MEUANGSEN	SOUKSAVANH	20/10/2006	Nam	Lào		
7	261176	SOULIYA	SOULICHANH	10/10/1983	Nữ	Lào		
8	261177	PHOMMAVONGSA	SOULIKONE	04/05/1987	Nam	Lào		
9	261178	SYPHARATH	SOULIXAY	22/10/1991	Nam	Lào		
10	261179	MANIVONGSACK	SOUPHATTHANA	06/02/1990	Nam	Lào		
11	261180	THYKHAMMY	SOUPHAXAY	06/01/2006	Nam	Lào		
12	261181	LAYTHIVONG	SOUPHIDA	08/08/2005	Nữ	Lào		
13	261182	ORPHANAPHAY	SOURISAK	09/10/2005	Nam	Lào		
14	261183	SISOULATH	SOUVANNAPHOUM	16/09/2008	Nam	Lào		
15	261184	MAIBOUNMANY	SOYSAYJAI	02/12/2007	Nữ	Lào		
16	261185	DUANGPANYA	SYTHAPHONE	01/01/2006	Nữ	Lào		
17	261186	LOHASATH	TAKHAM	21/11/2007	Nữ	Lào		
18	261187	SISOMPHONE	TAVANNY	22/04/2007	Nữ	Lào		
19	261188	XAYYADET	TEVIT	01/01/2006	Nam	Lào		
20	261189	SOUKDAVONG	THAKSIT	25/01/2008	Nam	Lào		
21	261190	INPHENGTHAVONG	THANAKONE	19/11/2007	Nam	Lào		
22	261191	YOKKHANTHONE	THANVA	02/12/2007	Nam	Lào		
23	261192	SENGDALA	THATSANA	26/09/1985	Nam	Lào		
24	261193	PHOMMAVONG	THATSAPHONE	29/06/2005	Nam	Lào		
25	261194	TEUMTHAVIKHOUN	THAVIXOK	12/10/2006	Nam	Lào		
26	261195	SOUVANNASENG	THAVYXAY	03/02/2008	Nam	Lào		
27	261196	VONGNADY	THEPTHIDA	10/06/2006	Nữ	Lào		
28	261197	SIPHACHANH	THIDALAT	09/12/2008	Nữ	Lào		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2026 (NGÀY 10/7/2026)

Phòng thi: 08 (B3-306)

Môn thi:

T T	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	261198	SOULYA	THIDAPHONE	17/04/2007	Nữ	Lào		
2	261199	SINGSAVANG	THINNAKONE	15/06/2006	Nam	Lào		
3	261200	PHIMMASEN	THINNAKHON	01/11/2007	Nam	Lào		
4	261201	CHANTHAVONG	THIPPHAPHONE	05/08/2007	Nữ	Lào		
5	261202	KONEYER	THIPPHAPHONE	25/05/2009	Nữ	Lào		
6	261203	KEOMIXAY	THIPTHIDA	03/11/2007	Nữ	Lào		
7	261204	CHANTHAKALY	THIT ALOUN	07/07/2006	Nữ	Lào		
8	261205	KHAMVONGSY	THITTHIDA	23/09/2007	Nữ	Lào		
9	261206	SOMCHAI	VADSANA	04/04/2004	Nữ	Lào		
10	261207	XAYTHANASY	VANNASIN	21/08/2007	Nam	Lào		
11	261208	PHANTHAVONG	VEODAO	14/08/2007	Nữ	Lào		
12	261209	THANCHUEA	VILAKONE	30/09/2007	Nam	Lào		
13	261210	PHURYBOUNXOM	VILAYVANH	14/10/2007	Nam	Lào		
14	261211	VOLALAT	VIMALA	31/01/2008	Nữ	Lào		
15	261212	DALAHOUNG	VINAT	29/08/2008	Nam	Lào		
16	261213	SIHATHEP	VIPHADA	05/06/2007	Nữ	Lào		
17	261214	KEOKHOUNMEUANG	VISET	07/07/2005	Nữ	Lào		
18	261215	CHANTHAVIXAY	VONGPHACHANH	25/12/2005	Nam	Lào		
19	261216	BOUABANE	XAIYAVONG	19/04/2007	Nam	Lào		
20	261217	SOUVANNASING	XALYSA	18/02/2007	Nữ	Lào		
21	261218	THIPPHAVONG	XAYPANYA	28/01/2007	Nam	Lào		
22	261219	PHIMMAVONG	XAYSANA	26/07/2007	Nam	Lào		
23	261220	TIAN	XIAOKE	12/02/2007	Nữ	Trung Quốc		
24	261221	WANG	XINMIAO	08/07/2004	Nữ	Trung Quốc		
25	261222	ZHANG	YAFU	22/09/2002	Nữ	Trung Quốc		
26	261223	BOUTBOUNMY	YEM	01/08/2007	Nữ	Lào		
27	261224	MOON	YOUNGKYUN	20/01/1980	Nam	Hàn Quốc		
28	261225	TOMINAGA	YUTAKA	03/11/2002	Nam	Nhật Bản		
29	261226	PETRZILKOVA	ZUZANA	20/9/2004	Nữ	Cộng Hòa Séc		

Tổng số bài thi:

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG